

Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2023

“V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly  
hôn và nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai;

2. Bà Võ Thị Điệp;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 241/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 196/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Minh D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số I, tổ D, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Võ Văn L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: tổ G, ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị D có đơn xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị B là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Minh D và anh Võ Văn L tổ chức đám cưới với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C vào ngày 15/10/2011. Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc. Nhưng thời gian về sau, chị D và anh L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và lối sống không phù hợp. Từ năm 2021 đến nay, chị D và anh L không còn sống chung với nhau. Trong thời gian xa nhau, cả hai không ai có ý hàn gắn tình

cảm. Nay chị Nguyễn Minh D nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn L.

- Về con chung: Không có.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Võ Văn L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Đồng thời, anh L cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau: Trích lục kết hôn số 61/TLKH-BS ngày 08/3/2023 của UBND phường H, thành phố C.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 12/5/2023 và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết. Không có ai phản bác các tài liệu chứng cứ được công khai trong phiên họp.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị Nguyễn Minh D có đơn yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn anh Võ Văn L đang cư trú tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Anh L đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Riêng chị D đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị D.

*Về nội dung:*

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường H, thành phố C ngày 15/10/2011 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy không còn hạnh phúc nên chị D yêu cầu ly hôn anh L; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống, chị D và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Chị D và anh L không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay, nhưng hai bên cũng không có hành động hay đưa ra biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thuyết phục được nhau để tiếp tục sống chung xây dựng hạnh phúc gia đình. Anh L không có động thái gì để duy trì hôn nhân.

Từ những căn cứ nêu trên, đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị **D** và anh **L** đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị **D**.

[5] Về nuôi con: Chị **D** trình bày không có nên không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về chia tài sản khi ly hôn và về nợ chung: Chị **D** trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị **D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000448 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Minh D** được ly hôn với anh **Võ Văn L**.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Nguyễn Minh D** trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị **Nguyễn Minh D** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000448 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- **UBND x**
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Đô**